

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước các cấp cho các nội dung
trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 183/TTr-SNN&PTNT ngày 02/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước các cấp cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025; với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Trên địa bàn nông thôn (thôn, xã) của 18 huyện, thị xã, thành phố, chia ra các khu vực như sau:

a) Khu vực 1: Gồm các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành.

b) Khu vực 2: Gồm các xã thuộc các huyện miền núi thấp: Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức (trừ 03 xã khu vực III của huyện Hiệp Đức được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

c) Khu vực 3: Gồm các xã thuộc các huyện miền núi cao: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My và 03 xã khu vực III của huyện Hiệp Đức được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.
- b) Người dân và cộng đồng dân cư nông thôn.
- c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức kinh tế, xã hội.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2022 đến hết năm 2025.

4. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM thuộc ngân sách nhà nước các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) phân bổ cho Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

5. Tỷ lệ hỗ trợ cho từng nội dung cụ thể: *Theo Phụ lục đính kèm.*

Hội đồng nhân dân cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định tỷ lệ ngân sách cấp huyện và cấp xã cho từng nội dung cụ thể; bố trí ngân sách cấp huyện để đối ứng theo tỷ lệ quy định, đảm bảo phù hợp với tỷ lệ, mức hỗ trợ tại Quyết định này; đồng thời, tăng cường giám sát việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, công trình, phương án, dự toán kế hoạch năm 2021, 2022 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nội dung, tỷ lệ hỗ trợ, suất đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo quy định tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 và Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh (*kể cả các văn bản triển khai của HĐND, UBND cấp huyện*) thì tiếp tục tổ chức thực hiện theo đúng nội dung, tỷ lệ, suất đầu tư theo các Quyết định trên, làm cơ sở thanh toán, quyết toán sau này, không điều chỉnh khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Quyết định này; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (trung ương, tỉnh) hỗ trợ trực tiếp trong Chương trình NTM để các ngành, địa phương triển khai thực hiện theo nội dung, tỷ lệ hỗ trợ nêu trên và huy động các nguồn lực khác tập trung xây dựng nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 đề ra.

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương

trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã và đang triển khai trên địa bàn tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư thực hiện các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 và lồng ghép để thực hiện tốt các nội dung, tỷ lệ hỗ trợ tại Quyết định này, trong đó ưu tiên lồng ghép cho các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 và các xã để thực hiện mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách tỉnh (kinh phí sự nghiệp) để thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp theo Quyết định này; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh theo đúng nội dung, tỷ lệ quy định.

- Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có phát sinh nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi..., Sở Tài chính chủ trì, xây dựng phương án phân bổ báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến, sau đó tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Trong đó, ưu tiên bổ sung nguồn lực cho Chương trình NTM, nhất là tập trung cho các mục tiêu, nội dung chưa được cân đối như: Xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, huyện NTM kiểu mẫu, thôn duy trì, nâng chuẩn..., tăng mức hỗ trợ cho các nội dung có liên quan và thực hiện các nhiệm vụ khác để xây dựng NTM đảm bảo đi vào chiều sâu, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

4. Các Sở, ngành liên quan, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh được phân công đứng điểm tại các xã, huyện/thị xã/thành phố thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các địa phương trong việc thực hiện theo các nội dung của Quyết định này; chỉ đạo việc lồng ghép các nội dung thuộc đơn vị quản lý để thực hiện đầu tư hỗ trợ cho các địa phương; kịp thời báo cáo những tồn tại, vướng mắc về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) để theo dõi, chỉ đạo.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các nội dung tại quyết định này; tham gia giám sát quá trình thực hiện ở các đơn vị, địa phương.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ nội dung, tỷ lệ hỗ trợ tại Quyết định này để trình HĐND cấp huyện quy định tỷ lệ ngân sách cấp mình và cấp xã cho từng nội dung cụ thể; bố trí ngân sách cấp mình để đối ứng theo tỷ lệ quy định; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Quyết định này và việc sử dụng kinh phí xây dựng NTM tại địa phương bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo đúng quy định; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình NTM giai đoạn

5 năm, hàng năm trên cơ sở mức hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh được phân bổ và vốn huy động các nguồn lực tại địa phương, lồng ghép các nguồn vốn để bảo đảm thực hiện Chương trình NTM theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra.

- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành của huyện tăng cường hỗ trợ giúp đỡ các xã; tổ chức tập huấn, hướng dẫn Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn về công tác quản lý đầu tư, quản lý dự án thuộc Chương trình NTM; trong đó chú ý hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán các nguồn vốn nông thôn mới (đầu tư và kinh phí sự nghiệp) được các cấp ngân sách đầu tư cho địa phương theo đúng các quy định hiện hành.

7. Ủy ban nhân dân các xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác quản lý đầu tư, sử dụng có hiệu quả về nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư hỗ trợ và nguồn vốn huy động khác để tổ chức thực hiện theo Đề án, Kế hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Không bố trí vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh từ Chương trình NTM cho các công trình, dự án không có trong nội dung đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Chịu trách nhiệm rà soát từng công trình, tiêu chí nông thôn mới cần ưu tiên để xây dựng kế hoạch đầu tư và kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn cụ thể, chi tiết cho từng công việc trên địa bàn xã. Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các nội dung, công trình trong Chương trình NTM theo phân cấp và chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán liên quan.

- Xây dựng kế hoạch huy động, thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức họp dân, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương (mức đóng góp cụ thể cho từng dự án), trình Hội đồng nhân dân xã thông qua để làm cơ sở thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã có triển khai Chương trình và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\ntm\Nam 2022\08 03 trien khai Nghi quyet 21 cua HDND tinh.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn

Phụ lục
NỘI DUNG, TỶ LỆ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2056 /QĐ-UBND ngày 05 /8/2022
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
1	Công tác thông tin, tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp; kinh phí quản lý thực hiện chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (NTM); thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM	100% từ ngân sách nhà nước; mức chi cụ thể theo quy định hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng đào tạo nghề lao động nông thôn, các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.					
2	Rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch cấp xã; quy hoạch chi tiết trung tâm xã, khu chức năng	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, bình quân không quá 350 triệu đồng/xã; phần còn lại do ngân sách cấp huyện bố trí. Cấp huyện căn cứ dân số, diện tích, nội dung rà soát quy hoạch của từng xã (kể cả quy hoạch chi tiết) để quyết định mức kinh phí rà soát quy hoạch phù hợp, nhưng không quá tỷ lệ, mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh quy định nêu trên. Giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 50% số xã để rà soát quy hoạch.					
3	Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp: Trường học (MN, TH, THCS); trạm y tế xã; cầu dân sinh (cầu đầu tư bằng dự án riêng); nhà văn hóa xã; khu thể thao xã; nhà văn hóa thôn, nhà làng truyền thống; khu thể thao thôn; chợ nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã, hạ tầng thương mại nông thôn; xây dựng, cải tạo nghĩa trang nhân dân; thoát, xử lý nước thải khu dân cư; cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn (kể cả di dời trụ điện, trụ viễn thông, hoàn thiện hệ thống điện sau công tơ); cơ sở hạ tầng bảo vệ	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	môi trường nông thôn, cảnh quan nông thôn (bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm xã, thôn; điện chiếu sáng; các công trình, hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn, điểm trung chuyển rác); công trình cấp nước sinh hoạt; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; bê tông hóa, cứng hóa đường giao thông nội đồng, cống thoát nước đường giao thông nội đồng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng các điểm du lịch nông thôn (bao gồm du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề)						
4	Khu, điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Ngân sách tỉnh 70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	Ngân sách tỉnh 80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	Ngân sách tỉnh 90	10
5	Cảnh quan môi trường nông thôn (hỗ trợ phát triển đường cây xanh bóng mát)	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10
6	Giao thông nông thôn và cống hộp trên đường giao thông nông thôn	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					
7	Thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi, phát triển sản xuất cộng đồng, dự án phát triển kinh tế nông thôn; truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành của Trung ương (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018, Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, các Quyết định phê duyệt các Đề án					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX khởi nghiệp, sáng tạo; khuyến nông, khuyến công; chuyển giao khoa học công nghệ; kinh tế vườn – kinh tế trang trại; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM; mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã...	chuyên đề của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ) và các Nghị quyết của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021, Nghị quyết 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019, Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022, Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 và các Nghị quyết HĐND tỉnh có liên quan.....)					
9	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021- 2025 và Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025.					
10	Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tối đa 500 triệu đồng/thôn đối với thôn xây dựng mới, trong giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 320 thôn; ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 200 triệu đồng/thôn (HĐND cấp huyện xem xét cân đối hỗ trợ đối ứng cho các xã có nguồn thu thấp). Đối với thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020 và các thôn giai đoạn 2016-2020 đã được hỗ trợ ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt chuẩn, đề nghị cân đối ngân sách địa phương và lồng ghép từ các nguồn để thực hiện duy trì, đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu.					
11	Hỗ trợ nhân rộng mô hình điển hình, tiên tiến trong xây dựng NTM	Tỷ lệ hỗ trợ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: 70% đối với khu vực 1, 80% đối với khu vực 2 và 90% đối với khu vực 3; phần còn lại do ngân sách địa phương và huy động khác. Đối với nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến do các sở, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh tổ chức thực hiện thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%. Căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán đối với từng lĩnh vực điển hình, tiên tiến là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng lĩnh vực cần nhân rộng, đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán.					
12	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
13	Hỗ trợ đầu tư các tiêu chí hạ tầng của tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu (tiêu chí cấp huyện), như: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; Chương trình OCOP; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp... và các công trình liên quan theo tiêu chí NTM cấp huyện	<p>- Đối với đầu tư đường huyện (ĐH): Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.</p> <p>- Các nội dung khác:</p> <p>+ Huyện đồng bằng (Phú Ninh, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Đại Lộc): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 70%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác.</p> <p>+ Huyện miền núi thấp (Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 80%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác.</p> <p>+ Huyện miền núi cao (Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 90%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác.</p> <p>* Nếu công trình thuộc tiêu chí NTM cấp huyện chỉ sử dụng 01 nguồn ngân sách trung ương thì ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 70% đối với các huyện miền núi và tối đa 50% đối với các huyện đồng bằng (kể cả đầu tư đường huyện). Phần còn lại ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và huy động khác.</p>					
14	Thưởng trong phong trào thi đua Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới	Thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua: UBND tỉnh ban hành quy định để tổ chức thực hiện và phân bổ kinh phí thưởng hằng năm, trong đó ưu tiên thưởng cho các địa phương không được hỗ trợ nguồn lực nhưng đạt chuẩn NTM, thưởng cho cộng đồng, cho thôn thực hiện tốt các phong trào thi đua.					
15	Thưởng tại các cuộc thi trong xây dựng nông thôn mới	Thưởng cho các đơn vị, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi trong xây dựng NTM: UBND tỉnh quy định nội dung thi, mức thưởng, cơ cấu giải thưởng cho phù hợp theo nội dung thi, tính chất cuộc thi.					
16	Các nội dung khác có liên quan trong Chương trình NTM (Hội nghị, hội thảo, trực báo; công tác phí; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; sự nghiệp môi trường; mua sắm trang thiết bị văn hóa thôn, dụng cụ thể thao, văn hóa, y tế; mô hình an ninh trật tự; công	Thực hiện theo các định mức, quy định hiện hành của Nhà nước (lập dự toán chi tiết trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thực hiện). Cân đối thêm từ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh trong dự toán của các sở, ngành để thực hiện. Ngân sách cấp huyện, xã bố trí kinh phí để quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	tác đánh giá, thẩm tra, thẩm định xét công nhận, lấy ý kiến hài lòng người dân; lễ công bố, phát động; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các nội dung khác nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn						

* Ghi chú:

- Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nêu trên không bao gồm kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng; các địa phương (cấp huyện, xã) có trách nhiệm cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Riêng đối với hỗ trợ nghĩa trang nhân dân, địa phương được sử dụng một phần ngân sách tỉnh (trong định mức) để hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhưng tổng kinh phí xây dựng và giải phóng mặt bằng không vượt tỷ lệ ngân sách tỉnh theo quy định.

- Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.